

QUY ĐỊNH

**về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy
của Ban Dân vận Tỉnh ủy**

- Căn cứ Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;

- Căn cứ Quy định số 04-QĐi/TW ngày 25/7/2018 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc tỉnh ủy, thành ủy;

- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa X);

- Xét đề nghị của Ban Dân vận Tỉnh ủy và Ban Tổ chức Tỉnh ủy,

Ban Thường vụ Tỉnh ủy quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Ban Dân vận Tỉnh ủy như sau:

Điều 1: Chức năng

1. Ban Dân vận Tỉnh ủy là cơ quan tham mưu, giúp việc của Tỉnh ủy mà trực tiếp, thường xuyên là Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Thường trực Tỉnh ủy về công tác dân vận; đồng thời là cơ quan chuyên môn, nghiệp vụ về công tác dân vận của Tỉnh ủy (bao gồm cả công tác dân tộc, tôn giáo).

2. Ban Dân vận Tỉnh ủy là cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở của tỉnh và một số ban chỉ đạo theo quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Điều 2: Nhiệm vụ, quyền hạn

1. Nhiệm vụ

1.1. Nghiên cứu, đề xuất và thực hiện

a) Chủ trì, phối hợp tham mưu, đề xuất xây dựng các nghị quyết, quyết định, chỉ thị, quy định, quy chế, chương trình công tác dân vận và chủ trương, giải pháp về công tác dân vận của Tỉnh ủy và Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

b) Chủ trì, phối hợp nghiên cứu, đề xuất Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy cụ thể hóa các chủ trương, nghị quyết, chỉ thị, quy định, quyết định, quy chế (kết luận của Đảng, pháp luật của Nhà nước) về công tác dân vận, dân tộc, tôn giáo, phát huy quyền làm chủ của nhân dân và triển khai tổ chức thực hiện.

c) Tham mưu giúp cấp ủy nắm tình hình và chỉ đạo hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội, hội quần chúng ở địa phương; hoạt động công tác dân vận của các cơ quan nhà nước ở địa phương.

d) Phối hợp với các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể theo dõi, tổng hợp tình hình nhân dân (bao gồm cả tình hình dân tộc, tôn giáo, các giai tầng xã hội, các vấn đề bức xúc trong nhân dân), báo cáo và tham mưu kịp thời với Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy để lãnh đạo, chỉ đạo công tác dân vận và xử lý những vấn đề phát sinh.

đ) Tham gia ý kiến với các cơ quan chính quyền trong việc thể chế hóa nghị quyết, quyết định, chỉ thị, quy định, quy chế, kết luận của Đảng về công tác dân vận, tôn giáo, dân tộc và phát huy quyền làm chủ của nhân dân.

e) Thực hiện việc báo cáo định kỳ và đột xuất với Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Dân vận Trung ương theo quy định.

g) Sơ kết, tổng kết về công tác dân vận.

1.2. Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát

a) Việc thực hiện các chủ trương, nghị quyết, quyết định, chỉ thị, quy định, quy chế, kết luận của Đảng về công tác dân vận.

b) Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ về công tác dân vận cho cấp ủy và cán bộ làm công tác dân vận của đảng trong tỉnh.

1.3. Thẩm định, thẩm tra

a) Các đề án, văn bản về công tác dân vận trước khi trình Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy.

b) Tham gia ý kiến đối với các đề án, dự án thuộc lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội, quốc phòng - an ninh... có liên quan đến công tác dân vận, dân tộc, tôn giáo; các đề án, dự án có liên quan đến quyền làm chủ của nhân dân và công tác dân vận của các cơ quan nhà nước.

1.4. Phối hợp

a) Với Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy tham mưu, giúp Tỉnh ủy xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch kiểm tra, giám sát hằng năm về công tác dân vận.

b) Với các ban, ngành liên quan trong các hoạt động chung về công tác dân vận; công tác nghiên cứu, kiểm tra, đào tạo, bồi dưỡng, thông tin... Về công tác dân vận ở địa phương.

c) Với Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan liên quan và các hội quần chúng trong công tác vận động nhân sĩ, trí thức, người có uy tín trong đồng bào các dân tộc thiểu số và chức sắc trong tôn giáo, công tác

vận động người Việt Nam định cư ở nước ngoài và thân nhân kiều bào trên địa bàn tỉnh; trong việc tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền.

d) Với Ban Tổ chức Tỉnh ủy trong công tác cán bộ theo quy định của ban thường vụ tỉnh ủy về phân cấp quản lý cán bộ và giới thiệu cán bộ ứng cử; trong việc quản lý tổ chức bộ máy, biên chế và việc thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, người lao động của Ban Dân vận Tỉnh ủy.

đ) Với Văn phòng Tỉnh ủy giúp Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy theo dõi, kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy chế làm việc của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

1.5. Thực hiện một số nhiệm vụ khác do Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy giao.

2. Quyền hạn

2.1. Được yêu cầu các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc Tỉnh ủy báo cáo, cung cấp hồ sơ, tài liệu phục vụ cho việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của cơ quan mình.

2.2. Được cử cán bộ dự các cuộc họp, hội nghị của cấp ủy trực thuộc, các sở, ban, ngành, đảng đoàn, ban cán sự đảng, các cơ quan liên quan bàn về nội dung thuộc lĩnh vực chuyên môn do cơ quan mình phụ trách.

2.3. Thực hiện trách nhiệm, thẩm quyền của chủ thể kiểm tra, giám sát theo quy định tại Điều 1.2.1, Khoản 1.2, Mục 1, Phần I Quy định số 30-QĐ/TW, ngày 26/7/2016 của Ban Chấp hành Trung ương quy định thi hành Chương VII và Chương VIII Điều lệ Đảng về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng.

2.4. Được tham gia ý kiến về công tác bổ nhiệm, luân chuyển, điều động cán bộ đối với chức danh ủy viên ban chấp hành, ủy viên ban thường vụ, ủy viên thường trực của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội cấp tỉnh.

Điều 3: Tổ chức bộ máy, biên chế và tiêu chuẩn, cơ cấu cán bộ, công chức

1. Lãnh đạo ban

Gồm Trưởng ban và không quá 02 phó trưởng ban.

2. Các đơn vị trực thuộc

- Phòng Hành chính - Tổng hợp.
- Phòng Dân vận các cơ quan Nhà nước, dân tộc và tôn giáo.
- Phòng Đoàn thể và các hội.

3. Biên chế

Thực hiện theo số lượng biên chế được Ban Thường vụ Tỉnh ủy giao hàng năm.

4. Về tiêu chuẩn, cơ cấu cán bộ, công chức

Ban Dân vận Tỉnh ủy xác định tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ và quy định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, bảo đảm cơ cấu cán bộ, công chức hợp lý để thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, thể hiện rõ trong Quy chế làm việc của Ban Dân vận Tỉnh ủy.

Điều 4: Môi quan hệ công tác

1. Đối với Tỉnh ủy, Ban thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy và Ban Dân vận Trung ương

- Ban Dân vận Tỉnh ủy chịu sự lãnh đạo và chỉ đạo về mọi mặt của Tỉnh ủy, trực tiếp và thường xuyên là Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Thường trực Tỉnh ủy; thực hiện chế độ báo cáo, tham mưu đề xuất với Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Thường trực Tỉnh ủy các vấn đề thuộc trách nhiệm, lĩnh vực được phân công.

- Ban Dân vận Tỉnh ủy chịu sự hướng dẫn, kiểm tra, giám sát về chuyên môn, nghiệp vụ và thực hiện chế độ thống kê, báo cáo với Ban Dân vận Trung ương theo quy định.

2. Đối với các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội, các sở, ban, ngành cấp tỉnh

- Quan hệ giữa Ban Dân vận Tỉnh ủy với các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội, các sở, ban, ngành cấp tỉnh là quan hệ phối hợp.

- Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, Ban Dân vận Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội và các cơ quan liên quan nghiên cứu, triển khai tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định, chỉ thị, quy định, quy chế, kết luận của Trung ương, của Tỉnh ủy; hướng dẫn, kiểm tra việc triển khai nghị quyết, quyết định, chỉ thị, quy định, quy chế, kết luận theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

3. Đối với Thường trực Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh

Quan hệ giữa Ban Dân vận Tỉnh ủy với thường trực Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh là quan hệ phối hợp:

- Ban Dân vận Tỉnh ủy phối hợp với thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân để triển khai thực hiện nhiệm vụ tham mưu thuộc lĩnh vực của mình có liên quan đến công tác quản lý nhà nước; thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh tạo điều kiện, hỗ trợ để cùng hoàn thành nhiệm vụ được giao.

- Tại kỳ họp Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh bàn về các vấn đề có liên quan đến lĩnh vực chuyên môn của Ban Dân vận Tỉnh ủy, thì đại diện lãnh đạo Ban Dân vận Tỉnh ủy được mời dự, tham gia ý kiến. Những nội dung cần thiết, lãnh đạo Ban Dân vận Tỉnh ủy làm việc trực tiếp với thường trực Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân để phối hợp thực hiện nhiệm vụ của mỗi bên.

4. Đối với cấp ủy và Ban Dân vận các cấp ủy trực thuộc tỉnh

- Quan hệ giữa Ban Dân vận Tỉnh ủy với cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc Tỉnh ủy là quan hệ phối hợp, trao đổi, hướng dẫn trong việc thực hiện công tác chuyên môn, tổ chức và cán bộ theo phân cấp.

- Quan hệ giữa Ban Dân vận Tỉnh ủy với Ban Dân vận các cấp ủy trực thuộc tỉnh là quan hệ hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ; đào tạo, bồi dưỡng cán bộ.

Điều 5: Điều khoản thi hành

- Căn cứ Quy định này, Ban Dân vận Tỉnh ủy có trách nhiệm cụ thể hóa thành Quy chế làm việc của Ban Dân vận Tỉnh ủy, xác định chức năng, nhiệm vụ các phòng trực thuộc và phân công vị trí việc làm của cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý và cán bộ, công chức chuyên môn, đảm bảo hoạt động có hiệu quả thiết thực, hoàn thành chức trách nhiệm vụ do Tỉnh ủy giao.

- Giao Ban Dân vận Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với các cấp ủy, tổ chức Đảng, các địa phương và cơ quan có liên quan tổ chức thực hiện theo Quy định này. Quá trình thực hiện, có khó khăn, vướng mắc hoặc có vấn đề cần sửa đổi, bổ sung thì chủ động trao đổi với Ban Tổ chức Tỉnh ủy và kịp thời báo cáo, đề xuất với Thường trực Tỉnh ủy và Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, quyết định.

- Quy định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế các Quyết định, Quy định trước đây về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Ban Dân vận Tỉnh ủy.

Nơi nhận:

- Các đ/c TUV,
- Các ban đảng tỉnh, Trường Chính trị, Báo Đồng Nai,
- Các BCS đảng, đảng đoàn, Tỉnh đoàn
- Các cấp ủy trực thuộc tỉnh,
- Các sở ban, ngành tỉnh,
- QCP.VPTU-P, T,
- Lưu VPTU.

Đồng kính gửi:

- Ban Dân vận Trung ương Đảng,
- Ban Tổ chức Trung ương Đảng.

P-M3/QĐ19-150

T/M BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ



Nguyễn Phú Cường